

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2020/HS-ST

Ngày: 18/9/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Miên;

Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 31/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 04/9/2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Duy N**, (tên gọi khác: **L**), sinh năm 1999, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy Ph và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 12/2020/HSST ngày 06/4/2020, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ thuộc Bộ công an.

Bị cáo đã được trích xuất về tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K - có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà H Ml Mlô – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số A1 LTK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Người bị hại: Bà Cao Thị H.

Địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn TL, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

- Anh Phạm Kim Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn TL, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng Mặt.

- Anh Đoàn Ngọc T2, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

(Chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn C, anh Phạm Kim Th và anh Đoàn Ngọc T2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Duy N là người nghiện ma túy, vào ngày 25/11/2019, bị cáo đến nhà bà ngoại là bà Cao Thị H chơi, thấy nhà bà H có nhiều tài sản có giá trị nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp nhưng do sợ bị phát hiện và không có phương tiện để vận chuyển tài sản nên bị cáo chia thành nhiều lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vào khoảng 11 giờ, cùng ngày 25/11/2019, N đi vào phòng ngủ trong nhà bà H lấy 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu WiCo, màu đen của anh Nguyễn Thành T đang để trên đầu giường, N lấy chiếc điện thoại bỏ vào trong túi quần và sau đó đem đi bán cho anh Đoàn Ngọc T2 được 300.000 đồng, số tiền bán được N tiêu xài hết.

Khoảng 07 giờ ngày 26/11/2019, N tiếp tục đến nhà bà H để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà H do không thấy bà H ở nhà nên N trèo qua tường rào lưới B40 đi vào khu vực chuồng heo nhà bà H lấy trộm 01 xe đạp nam, loại xe đạp địa hình rồi đi xe đạp ra chợ Pong Đrang, huyện Krông Búk bán cho một người đàn ông đi đường với giá 100.000 đồng, số tiền bán được N tiêu xài hết. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, N tiếp tục đến nhà bà H để lấy trộm tài sản, N lợi dụng lúc bà H không để ý, N đi vào trong kho nhà bà H lấy trộm 01 máy bơm nước 1 pha, công suất 2,2 KW rồi đem ra vườn cà phê của bà H cất giấu. Sau đó, N đi ra chợ P thuê xe ôm đến vườn cà phê chở máy bơm đem bán cho anh Nguyễn Văn C ở thôn K, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được 800.000 đồng. Số tiền bán máy bơm N trả cho người lái xe ôm hết 60.000 đồng, còn lại N tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 14 giờ, ngày 27 tháng 11 năm 2019, N tiếp tục đến nhà bà H để trộm cắp tài sản. N lợi dụng lúc bà H không để ý, N đi vào trong kho nhà bà H lấy trộm 01 máy phát cỏ, màu đỏ, loại máy đeo phía sau lưng, xuất xứ từ Trung Quốc, đem cất giấu trong vườn cà phê bên hông nhà bà H. Sau đó, N đi ra chợ P thuê xe ôm chở đến vườn cà phê lấy máy phát cỏ chở đem bán cho anh Phan Kim Th ở thôn TL,

xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được 400.000 đồng. Số tiền bán được N trả cho người lái xe ôm hết 50.000 đồng, còn lại N tiêu xài cá nhân.

Tại biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 08/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện K, kết luận:

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu WiCo có giá 350.000 đồng;
- 01 máy bơm nước 1 pha, công suất 2,2 KW có giá 1.500.000 đồng;
- 01 xe đạp, loại xe đạp nam địa hình có giá 450.000 đồng;
- 01 máy phát cỏ, màu đỏ, loại máy đeo phía sau lưng xuất xứ từ Trung Quốc có giá 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.300.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thu giữ:

- 01 máy bơm nước 1 pha, công suất 2,2 KW; 01 máy phát cỏ, màu đỏ, loại máy đeo phía sau lưng xuất xứ từ Trung Quốc. Ngày 07 tháng 7 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện K giao trả tài sản trên cho bà Cao Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 xe đạp, loại xe đạp địa hình, bị cáo bán cho người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu WiCo, N bán cho anh Đoàn Ngọc T2 và anh T2 đã bán lại cho người không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy N về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội *Trộm cắp tài sản* và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 máy bơm nước 1 pha, công suất 2,2 KW; 01 máy phát cỏ, màu đỏ, loại máy đeo phía sau lưng xuất xứ từ Trung Quốc cho bà Cao Thị H là chủ sở hữu hợp pháp;

- Đối với 01 xe đạp, loại xe đạp địa hình và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu WiCo không thu giữ được nên đề nghị không đề cập xử lý.

- Truy thu số tiền 1.600.000 đồng bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp mà có.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Đối với anh C, anh Th là người mua tài sản từ bị cáo nhưng anh C, anh Th không biết đây là các tài sản trộm cắp nên không xử lý.

Đối với 02 người đàn ông lái xe ôm được bị cáo thuê vào chở các tài sản trộm cắp được đem đi bán nhưng không xác định được nhân thân của hai người này nên không đề cập xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Bị cáo bị truy tố về tội *Trộm cắp tài sản* là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý quan điểm của người bào chữa.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp biên bản xác định hiện trường, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 11 năm 2019, bị cáo đã 04 lần liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Cao Thị H, đó là vào khoảng 11 giờ ngày 25/11/2019 bị cáo trộm cắp 01 điện thoại di động có giá trị 350.000 đồng, khoảng 07 giờ ngày 26/11/2019 bị cáo trộm cắp 01 xe đạp có giá trị 450.000 đồng, khoảng 14 giờ ngày 26/11/2019 trộm 01 máy bơm nước có giá trị 1.500.000 đồng và khoảng 14 giờ ngày 27/11/2019, trộm 01 máy phát cỏ có giá trị 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.300.000 đồng, mặc dù giá trị mỗi tài sản trong các lần bị cáo trộm cắp đều có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã thực hiện

hành vi trộm cắp một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp do sợ bị phát hiện và không có phương tiện để vận chuyển tài sản trộm cắp và tất cả các lần trộm cắp của bị cáo đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu, quản lý tài sản của bà H được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, bị cáo đã cố ý thực hiện liên tiếp 04 lần hành vi trộm cắp nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tại thời điểm phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, được người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt, quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo có căn cứ, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[7] Về tổng hợp hình phạt: Tại bản án số 12/2020/HSST ngày 06/4/2020, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Do đó cần tổng hợp hình phạt tại bản án nêu trên với hình phạt tại bản án này, để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là đúng quy định tại các Điều 55, 56 của Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 máy bơm nước 1 pha, công suất 2,2 KW; 01 máy phát cỏ, màu đỏ, loại máy đeo phía sau lưng, xuất xứ từ Trung Quốc cho bà Cao Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 xe đạp, loại xe đạp địa hình và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu WiCo không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.600.000 đồng bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp mà có.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Cần buộc bị cáo Nguyễn Duy N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp.

Các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Văn C là người đã mua máy bơm nước, anh Phan Kim Th đã mua máy phát cỏ từ bị cáo nhưng anh C, anh Th không biết đây là các tài sản trộm cắp nên không xử lý đối với anh C, anh Th là phù hợp.

Đối với 02 người đàn ông lái xe ôm được bị cáo thuê để chở các tài sản trộm cắp được đem đi bán nhưng bị cáo xác định họ hoàn toàn không biết tài sản họ chở là do bị cáo trộm cắp. Ngoài ra, không xác định được nhân thân của hai người này nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm b Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy N (tên gọi khác: L) phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

2. Về hình phạt, tổng hợp hình phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy N 07 (bảy) tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*.

- Tổng hợp hình phạt tại bản án số 12/2020/HSST ngày 06/4/2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* với hình phạt tại bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **01 (một) năm 10 (mười) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/12/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 máy bơm nước 1 pha, công suất 2,2 KW; 01 máy phát cỏ, màu đỏ, loại máy đeo phía sau lưng xuất xứ từ Trung Quốc cho bà Cao Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.600.000 đồng bị cáo Nguyễn Duy N đã thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp mà có.

- Đối với 01 xe đạp, loại xe đạp địa hình, bị cáo bán cho người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu WiCo, N bán cho anh Đoàn Ngọc T2 và anh T2 đã bán lại cho người không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được nên không xem xét xử lý.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Duy N.

6. Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Vân

